

chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ biên chế, điều chỉnh cán bộ, chuyên người về sản xuất;

— Kiểm tra tất cả các cơ quan địa phương trong việc thực hiện đường lối, phương châm, chính sách và kế hoạch nói trên và uốn nắn kịp thời mọi thiếu sót, lệch lạc.

**Điều 9.** — Ủy ban Kiện toàn tổ chức khu Tự trị, thành phố, tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo về mọi mặt của Ủy ban hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh đồng thời chịu sự chỉ đạo về công tác của Ủy ban Kiện toàn tổ chức trung ương.

**Điều 10.** — Thành phần Ủy ban Kiện toàn tổ chức khu Tự trị, thành phố, tỉnh gồm có:

- Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc một ủy viên Ủy ban Hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh . . . . . *Chủ tịch*
- Giám đốc khu, Trưởng ty tài chính *Ủy viên*
- Giám đốc Khu hoặc Sở, Trưởng ty lao động . . . . . *Ủy viên*
- Trưởng phòng tổ chức và cán bộ Ủy ban Hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh . . . . . *Ủy viên*
- Trưởng ban tổ chức khu Tự trị, thành phố, tỉnh đảng bộ Đảng Lao động Việt-nam. . . . . *Ủy viên*

**Điều 11.** — Ủy ban Kiện toàn tổ chức khu Tự trị, thành phố và tỉnh lập Ban Thường trực để giúp Ủy ban giải quyết công việc thường xuyên giữa hai kỳ họp của Ủy ban và triệu tập các cuộc họp thường lệ hoặc bất thường của Ủy ban.

**Điều 12.** — Ban Thường trực Ủy ban Kiện toàn tổ chức khu Tự trị, thành phố, tỉnh gồm có:

- Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc một Ủy viên Ủy ban Hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh . . . . . *Trưởng ban*
- Trưởng phòng tổ chức và cán bộ Ủy ban Hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh . . . . . *Ủy viên*

**Điều 13.** — Bộ máy giúp việc Ủy ban Kiện toàn tổ chức khu Tự trị, thành phố, tỉnh là Phòng Tổ chức và cán bộ của Ủy ban Hành chính nơi ấy.

**Điều 14.** — Tổ chức và biên chế của bộ máy giúp việc Ủy ban Kiện toàn tổ chức trung ương và địa phương sẽ quy định sau.

**Điều 15.** — Nghị định số 449-TTg ngày 3-10-1957 nay bãi bỏ.

**Điều 16.** — Các ông Bộ trưởng các Bộ, ông Chủ tịch Ủy ban Kiện toàn tổ chức trung ương, ông Chủ tịch Ủy ban Điều chỉnh biên chế trung ương, ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các ông Chủ nhiệm Văn phòng Nội chính, Nông lâm—Thủy lợi Thủ tướng phủ, ông Trưởng ban Thống nhất trung ương, các ông Chủ tịch Ủy ban Hành

chính các khu Tự trị, thành phố, tỉnh chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 31 tháng 3 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG

**LIÊN BỘ**

**GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN — TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 05-TT/LB ngày 27-3-1958 về việc thu tiền phí tổn sửa đường.**

**— Ý NGHĨA VÀ MỤC ĐÍCH VỀ VIỆC THU TIỀN PHÍ TỒN SỬA ĐƯỜNG**

Hòa bình lập lại, việc giao thông và vận tải bằng đường bộ ngày càng phát triển để đảm bảo yêu cầu vận chuyển Nhà nước và của nhân dân.

Hiện nay chúng ta đã có một hệ thống đường dài, 6.500 cây số. Hàng năm Nhà nước phải chi ra những khoản tiền lớn làm công việc tu sửa. Số tiền Nhà nước chi ra năm 1957 gấp 4 lần so với năm 1955.

Để giảm bớt sự chi tiêu của ngân sách Nhà nước, để sự đóng góp tu sửa đường sẽ được công bằng hợp lý, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định ban hành thể lệ thu tiền phí tổn sửa đường vào các xe của cơ quan, xe của các xí nghiệp và xe của tư nhân.

Nhà nước thu tiền phí tổn sửa đường tức là để những người có xe được thiết thực tham gia vào việc tu sửa, bảo quản đường sá cho tốt để việc khai thác công suất xe của mình được cao. Việc những người có xe góp tiền phí tổn sửa đường còn có tác dụng đề cao tinh thần trách nhiệm của các cơ quan giao thông trong việc sửa chữa bảo vệ đường sá để việc giao thông và vận tải được thuận lợi nữa.

Do đó việc đóng góp tiền tu sửa đường sá chẳng những là một nghĩa vụ mà còn là một vinh dự của những người có xe đóng góp vào công cuộc xây dựng sự nghiệp giao thông của miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Tuy vậy Chính phủ cũng chiếu cố miễn thu tiền phí tổn sửa đường cho một số các loại xe hoạt động có tính cách phục vụ cho lợi ích chung của nhân dân và những loại xe vận tải do người kéo hoặc đẩy, các xe đám ma, xe hồng thập tự, v.v...

Các điều khoản căn bản về thu tiền phí tổn, sửa đường đã lược quy định rõ trong nghị định của Thủ tướng Chính phủ.

www.thuvienhoabinh.com \* +84-98-989-666

Dưới đây Liên bộ giải thích những điểm cần thiết :

## 2 - GIẢI THÍCH MỘT SỐ ĐIỂM QUY ĐỊNH TRONG NGHỊ ĐỊNH THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 3 quy định xe của các cơ quan ngoại giao nước ngoài được miễn thu tiền phí tổn sửa đường là những xe của các Đại sứ quán, Lãnh sự quán, cơ quan đại diện các nước. Còn các xe khác của các cơ quan Bộ Ngoại giao, Giao tế, Cục Chuyên gia v.v... thì vẫn phải đóng tiền phí tổn sửa đường.

Khoản c quy định các máy kéo và xe vận tải (ô tô và xe thô sơ) của các nông trường, lâm trường, xí nghiệp quốc doanh chuyên hoạt động trên các đường riêng do họ tự làm và tự tu bổ thì được miễn thu tiền phí tổn sửa đường. Nếu vì lý do đi chuyển địa điểm, đưa đi sửa chữa các xe này chạy ra đường ô tô thì phải có giấy chứng nhận của cơ quan sử dụng cấp. Giấy chứng nhận chỉ được cấp từng chuyến một, phải ghi rõ số xe và thời gian xe chạy ra đường ô tô. Còn các xe thường xuyên vừa chạy trên đường riêng, vừa chạy trên đường ô tô thì thu tiền phí tổn sửa đường như các xe khác mà nghị định Thủ tướng phủ đã quy định. Các nông trường, lâm trường, xí nghiệp phải lập danh sách ghi rõ các xe chuyên chạy trên đường riêng của mình gửi đến các cơ quan Giao thông, Tài chính, Công an địa phương để tiện việc kiểm soát sau này.

Khoản d quy định các xe dùng vào việc đưa đám ma là những xe đã đăng ký kinh doanh vào việc này và phải có giấy của Ủy ban Hành chính địa phương chứng nhận mới được miễn tiền phí tổn sửa đường. Giấy chứng nhận phải ghi rõ tên, địa chỉ chủ xe, loại xe (ô tô, xe ngựa v.v...) số hiệu đăng ký.

Xe hồng thập tự được miễn tiền phí tổn sửa đường là những xe của cơ quan Y tế chuyên dùng để chở bệnh nhân, tải thương, làm nhiệm vụ cấp cứu... Còn các xe khác của cơ quan Y tế chuyên dùng cho cán bộ, công nhân đi công tác và các xe vận tải đều phải đóng tiền phí tổn sửa đường.

Điều 4 quy định mức thu tiền phí tổn sửa đường của mỗi xe. Liên bộ giải thích thêm một số điểm :

Loại xe 2T5 trở xuống mỗi xe thu 30.000đ một tháng là những xe vận tải hàng hóa, xe chở hành khách loại nhỏ (taxi) xe chở hành khách loại lớn (car), xe du lịch nhưng sử dụng có tính chất kinh doanh nghề này hay nghề khác để lấy lợi như xe quảng cáo, cho đám cưới thuê, cho thuê chuyển v.v... xe ô tô con thu mỗi tháng 10.000đ tiền phí

tổn sửa đường là những xe du lịch, xe Jeep, Commandcar của cơ quan, xe du lịch của tư nhân, dùng để đi chơi, đi việc riêng cho gia đình (không có tính cách kinh doanh).

Xe taxi hoặc xe car chở hành khách không tính theo số chỗ ngồi để xếp hạng trọng tải mà tính theo trọng tải như xe tải để xếp hạng trọng tải từ 2T5 trở xuống hoặc 2T5 trở lên v.v...

Đối với Remorque, sẽ định mức thu tiền phí tổn sửa đường riêng.

Điều 6 quy định tiền phí tổn sửa đường do các cơ quan Tài chính và Thuế vụ thu và nộp vào kho bạc Nhà nước. Các điều khoản về việc thu nộp và mẫu mực sổ sách, biên lai do Bộ Tài chính định. Riêng đơn vị Khu Tự trị Việt Bắc Ủy ban Hành chính khu sẽ quy định thể thức thu nộp cho các tỉnh trong khu. Cơ quan phụ trách chung về thu phí tổn sửa đường là các Ty Tài chính các tỉnh. Sở Tài chính các thành phố Hà-nội, Hải-phòng, Khu Tự trị Thái Mèo. Các cơ quan Thuế vụ đồng cấp với các Khu Ty, Tài chính nói trên chịu trách nhiệm thu về phần xe kinh doanh.

Để việc thu có kết quả các cơ quan Giao thông vận tải và các cơ quan Công an tùy theo nhiệm vụ đăng ký xe của mình cung cấp danh sách chủ xe, loại xe và số xe cho các cơ quan Tài chính địa phương phụ trách việc thu tiền phí tổn sửa đường.

Đầu mỗi tháng và mỗi quý, hai cơ quan đăng ký xe nói trên báo cho cơ quan Tài chính, Thuế vụ biết tình hình thay đổi về xe (có đăng ký mới, thay tên, đổi chủ xe, đổi chỗ ở của chủ xe và xe v.v...) để các cơ quan Tài chính, Thuế vụ kịp thời điều chỉnh kế hoạch thu tiền phí tổn sửa đường trong tháng và trong quý.

Ở trung ương, để tiện việc kiểm tra tùy theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Nha Giao thông và Vụ Trị an hành chính Bộ Công an cung cấp cho Vụ Tổng dự toán và vụ Thuế vụ Bộ Tài chính tài liệu nói trên, và hàng tháng, hàng quý báo cho hai Vụ này của Bộ Tài chính biết tình hình thay đổi xe cộ trong tháng và trong quý đó.

Điều 7 và điều 10 quy định mỗi khi thu tiền phí tổn sửa đường cơ quan thu phải cấp biên lai cho chủ xe. Chủ xe hoặc người lái xe phải luôn luôn mang biên lai theo xe và có nhiệm vụ xuất trình với các cơ quan và nhân viên kiểm soát giao thông, thuế vụ, công an khi cần thiết. Nếu các chủ xe vi phạm điều 7 các cơ quan và nhân viên kiểm soát sẽ tùy theo lỗi mà phạt.

Trường hợp vi phạm điều 10 nếu chủ xe cố tình dây dưa, gian lận, thì các cơ quan và nhân

viên kiểm soát sẽ chiếu theo điều 10 mà định mức phạt.

Đề nghị các Ủy ban đơn đốc, lãnh đạo Khu, Ty Giao thông, Tài chính, Thuế vụ nghiên cứu kỹ thông tư này, đặt kế hoạch lãnh đạo việc thi hành nghị định của Thủ tướng Chính phủ được tốt.

Hà-nội, ngày 27 tháng 3 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ  
Tài chính

Thủ trưởng  
TRỊNH VĂN BÌNH

K.T. Bộ trưởng Bộ  
Giao thông Bưu điện

Thủ trưởng  
NGUYỄN HỮU MÀI

## CÁC BỘ

### BỘ NỘI VỤ

**NGHỊ ĐỊNH số 103-NV ngày 31-3-1958**  
chia xã Thái sơn thuộc huyện Yên  
dũng, tỉnh Bắc giang làm hai xã

### BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13 tháng 8 năm 1948 về việc thành lập, phân chia địa giới các xã, thị xã;

Căn cứ thông tư số 972 ngày 19 tháng 7 năm 1956 của Thủ tướng phủ về việc giao 4 tỉnh Phú-thọ, Bắc-ninh, Bắc-giang, Vĩnh-phước trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính Bắc-giang;

### NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.** — Nay chia xã Thái sơn thuộc huyện Yên dũng tỉnh Bắc giang làm 2 xã:

— Xã Thái sơn (lấy tên xã cũ là Thái sơn) gồm các xóm: Tây, Kép, Dung, Gáo, Hấn Can, Rõng, Đông tiến, Việt tiến, Tân tiến và Dũng tiến.

— Xã Thái đảo gồm các xóm: Dạ, Chùa, Then, Mỹ, Ghép, Cống và An thái.

**Điều 2.** — Ủy ban Hành chính tỉnh Bắc giang, ông Giám đốc Vụ Tờ chức chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 31 tháng 3 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thủ trưởng  
TÔ QUANG ĐẦU

## BỘ GIÁO DỤC

**THÔNG TƯ số 8-TT ngày 15-3-1958**  
về việc chiêu sinh vào trường học sinh  
miền Nam niên khóa 1958—1959

### BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Kính gửi: UBHC các liên khu, khu, thành phố  
Khu Giáo dục Liên khu 4, Việt bắc,  
Liên khu 3.  
Sở Giáo dục Hà-nội, Hải-phòng.  
Ty Giáo dục các tỉnh.

Thông tư 115-TTg ngày 27-3-1957 của Thủ tướng Phủ có nhấn mạnh: « Việc xét thu nhận học sinh vào trường học sinh miền Nam hay xét trợ cấp sinh hoạt phí có trang phục hay không có trang phục căn cứ vào các tiêu chuẩn nhưng chủ yếu là tùy theo khả năng tài chánh, mức độ chiêu sinh của từng niên khóa mà giải quyết ».

Theo tinh thần trên và căn cứ vào nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa hiện nay, dựa vào khả năng tài chính và xây cất trường trại, vấn đề chiêu sinh trong niên khóa 1958—59 cần phải hạn chế trong một mức độ nhất định. Do đó không nhất thiết mọi trường hợp có đủ tiêu chuẩn đều được xét giải quyết.

### I. — NHỮNG TRƯỜNG HỢP XÉT GIẢI QUYẾT CHIÊU SINH TRONG NIÊN KHÓA 1958 - 1959

1 — Cán bộ quê quán miền Nam có đủ tiêu chuẩn nhưng từ trước nay chưa có một con nào được Chính phủ đài thọ để đi học bất kỳ là ở đâu (trong trường học sinh miền Nam ở các nước bạn, học trường ngoài có trợ cấp sinh hoạt phí, các trường chuyên nghiệp hoặc đại học...) thì nay được xét giải quyết một con. Nếu trường hợp đông con (từ 4 cháu trở lên) tình cảnh sinh hoạt khó khăn chật vật mà trước nay mới được giải quyết một cháu thì nay có thể xét trợ cấp thêm một cháu nữa. Đối với anh chị em thương binh, bộ đội phục viên, cán bộ công nhân viên miền Nam ra khỏi biên chế về sản xuất, ở trong trường hợp trên thì có thể xét giải quyết ưu tiên trước.

2 — Cán bộ miền Nam hiện đang công tác đặc biệt có sự chứng nhận và giới thiệu của Ban thống nhất trung ương, con các liệt sĩ (quê miền Nam và đã hy sinh trong Nam) có đủ chứng từ hợp lệ thì xét từng trường hợp mà giải quyết có chiếu cố thích đáng.

### Những điểm cần đặc biệt chú ý:

— Ngoài hai trường hợp đã ghi ở trên, tất cả những trường hợp khác đều không giải quyết.